TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HSPT
Ngày : 05-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Khánh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Hùng Cường.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ái Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLPT-HS ngày 27/4/2018, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T và bị cáo Nguyễn Văn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Long An.

1. Bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1991. Tên gọi khác: Phong; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp 2, xã B, huyện M, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; con bà: Trần Thị Kim S, sinh năm 1972; anh chị em ruột: 04 người. Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003; Vợ: Chưa; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-10-2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Họ và tên: **Nguyễn Văn K** sinh ngày 20 tháng 9 năm 1991. Tên gọi khác: Cá; hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Không xác định; con bà: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1964; anh chị em ruột: 03 người. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: K, sinh năm 1996 (Không đăng ký kết hôn); con: Ý, sinh năm

2014; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 04-5-2016 bị Công an huyện M xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau, hiện chưa đóng tiền phạt.

Bị can được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-10-2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

- Họ và tên: **Lê Phước D**, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An; chổ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Lê Văn D, sinh năm 1971; con bà: Xa Thị S, sinh năm 1976; anh chị em ruột: 01 người. Lớn nhất là bị can, nhỏ nhất sinh năm 2000; vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19-12-2017 cho đến nay.

3. Những người tham gia tố tụng khác không được triệu tập:

Bị hại: Ông Võ Văn N, sinh năm: 1954. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12-8-2017 Nguyễn Hữu T đi câu cá thì thấy vỏ nhựa hiệu TB, màu xanh trắng, dài 07 mét của ông Võ Văn N đang đậu dưới kênh trước nhà, nên T nảy sinh ý định trộm cắp vỏ nhựa này. Sau đó T đi làm thuê gặp Lê Phước D rủ đi trộm vỏ nhựa nói trên kiếm tiền tiêu xài thì D đồng ý.

Đến khoảng 23h00 ngày 15-8-2017, D tổ chức uống rượu tại nhà D cùng với T, Nguyễn Văn K và Lê Minh T. Uống rượu được một lúc thì T và T1 đi về. Lúc này T mới rủ D và K đi trộm vỏ nhựa của ông N bán lấy tiền tiêu xài, D và K cùng đồng ý. D điện thoại cho Nguyễn Hữu L (em ruột của T) nhờ L chở D, T, K đi công chuyện. L điều khiển xe mô tô chở T và K đến gần cầu C, T và K xuống xe. L quay lại chở D đến địa điểm trên rồi quay về nhà ngủ. Khi đi D cầm theo 01 cây dầm bằng gỗ tạp dùng để bơi xuồng.

Sau đó, T và K đi đến chỗ đậu vỏ nhựa của ông N, còn D đứng đợi ở cầu C, T và K lội xuống kênh tháo dây cột vỏ nhựa của ông N, rồi bơi đẩy vỏ nhựa đến cầu C thì D xuống vỏ nhựa, D dùng cây dầm mang theo bơi vỏ nhựa về đến nhà D, cả ba kéo vỏ nhựa lên trước sân nhà D cất giấu. Sau đó cả ba dùng điện thoại của D điện thoại tìm người để bán vỏ nhựa nhưng không được. Đến sáng ngày 16-8-2017 cả ba bị Công an huyện M mời làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận về định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 21-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận như sau:

01 (một) vỏ nhựa hiệu TB màu trắng-xanh dài 07m, đã qua sử dụng có giá trị 4.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện bị hại đã nhận lại tài sản bị mất.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K, Lê Phước D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điều 17; Điều 38; các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Phước D 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 19-12-2017. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí; quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 19/3/2018, bị cáo Nguyễn Hữu T và bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T và bị cáo Nguyễn Văn K thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm nêu. Các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo K kháng cáo xin giảm nhẹ cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T và bị cáo Nguyễn Văn K bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng, không oan.

Bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do phụ giúp cha mẹ nuôi hai cháu nhỏ, bị cáo đã ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin cho hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo mồ côi cha từ nhỏ, mẹ đi làm thuê. Đây không phải là những căn cứ cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, xét thấy mức án 09 (chín) tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng là đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T và bị cáo K. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Khoảng 23h00 ngày 15-8-2017, sau khi đi uống rượu xong T mới rủ D và K đi trộm vỏ nhựa của ông N bán lấy tiền tiêu xài, D và K cùng đồng ý. Sau đó, T và K đi đến chỗ đậu vỏ nhựa của ông N, còn D đứng đợi ở cầu C, T và K lội xuống kênh tháo dây cột vỏ nhựa của ông N, rồi bơi đẩy vỏ nhựa đến cầu C thì D xuống vỏ nhựa, D dùng cây dầm mang theo bơi vỏ nhựa về đến nhà D, cả ba kéo vỏ nhựa lên trước sân nhà D cất giấu. Đến sáng ngày 16-8-2017 cả ba bị Công an huyện M mời làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[2] Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K và Lê Phước D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Võ Văn N là 01 chiếc vỏ lãi trị giá 4.000.000đ. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K và bị cáo Lê Phước D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nên bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn K 06 tháng tù và bị cáo Lê Phước D 09 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do phụ giúp cha mẹ nuôi hai cháu nhỏ, bị cáo đã ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin cho hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo mồ côi cha từ nhỏ, mẹ đi làm thuê. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn và chưa gây thiệt hại về tài sản của người bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 20117 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó, cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu T nhưng không thể xem xét chấp nhận cho bị cáo T được hưởng án treo.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn K cũng được xem xét phạm tội nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn và chưa gây thiệt hại về tài sản của người bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, mức hình phạt 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo phạm tội. Hơn nữa, bị cáo K có 01 tiền sự chưa chấp hành việc nộp tiền xử phạt hành chính nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo K mà cần giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo K như lời đề nghị của Kiểm sát viên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T.

Cải sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 12/3/2018 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Long An.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điều 17; Điều 38; các điểm i, s và h khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu. Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- STP tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Khánh